

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/DS-PT
Ngày: 17/4/2019
V/v “Tranh chấp bồi thường
thiệt hại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH K**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đào

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Linh

Ông Võ Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Kháng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019, về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2018/DS-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 77/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Doãn Kim K (Phải), sinh năm: 1939. (có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Số 220 tổ 06, ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện H, tỉnh K.

- Bị đơn: Anh Trương Quốc V (Rí), sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Số 222 tổ 06, ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện H, tỉnh K.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1952. (có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Số 222 tổ 06, ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện H, tỉnh K.

Theo V bản ủy quyền ngày 18/01/2016.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn V N, sinh năm: 1949. (có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Số 9 đường Lê Lai, khu phố Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh K.

2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1952. (có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Số 9 tổ 07, ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện H, tỉnh K.

- *Người kháng cáo:* Bà Doãn Kim K là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn bà Doãn Kim K trình bày:** Trước đây giữa bà K và ông Nguyễn V N có xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất, Tòa án nhân dân tỉnh K đã giải quyết bằng một bản án phúc thẩm và quyết định buộc bà K phải tháo dỡ trái nhà bếp, thu hoạch hoa lợi đốn tre và chuối trên đất lấn chiếm để trả lại diện tích cho ông N sử dụng, sau khi có quyết định của Tòa án thì bà K chưa đốn tre và chuối, khi Thi hành án xuống cắm ranh mốc thì bà K cũng chưa đốn tre, chuối vì bà K vẫn còn đang khiếu nại lên Tòa án nhân dân tối cao về việc tranh chấp đất giữa bà K và ông N.

Vào khoảng tháng 3/2015 anh Trương Quốc V ngang nhiên đốn tre được trồng trên phần đất của bà K tổng cộng là 103 cây (có lớn, có nhỏ), số tre này được bà K trồng trên đất từ năm 1985 đến nay (đất trồng tre này bà K chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị X em ruột ông N). Khi anh V đốn tre thì bà K không biết, nhưng khi anh V đưa tre về nhà róc nhánh tre để sử dụng thì bà K mới biết việc anh V đốn tre của bà K, bà K có nói thì anh V cho rằng số tre này là của bà X và bà X cho gia đình anh V nên anh V không cần hỏi ý kiến của bà K. Bà K có làm đơn yêu cầu ấp, xã và Công an huyện giải quyết, Công an huyện có xuống xác minh thì Công an huyện có ý kiến số tre bị đốn trồng trên nương đất công cộng chứ không phải trồng trên đất của bà K.

Bà K khẳng định số tre anh V đốn là nằm trên phần đất của bà, do bà trồng và bà K yêu cầu anh V có trách nhiệm bồi thường cho bà K số tre đã đốn là 103 cây bằng số tiền là 6.180.000 đồng, bà K chỉ yêu cầu một mình anh V có trách nhiệm bồi thường.

* **Bà Nguyễn Thị H là đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:** Vào khoảng đầu năm 2015 thì bà X có cho gia đình bà H đốn bụi tre để làm hàng rào, trước đây bà X cũng thường cho gia đình bà khi gia đình bà cần tre, con trai bà là Trương Quốc V trực tiếp đốn tre, khi V đốn tre xong, bà ra kéo tre vào nhà, gia đình của bà K đang làm mộ gần đó cũng biết việc bà kéo tre vào nhà nhưng không ai nói gì. Sau khi gia đình bà làm xong hàng rào và đóng thêm 01 cây cầu để sinh hoạt dưới mé sông thì bà K có lại nhà bà hỏi lý do tại sao V đốn tre của bà mà không hỏi ý kiến của bà, sau đó bà K có gửi đơn lên ấp, xã yêu cầu giải quyết, có mời bà X và bà X cũng khẳng định bụi tre V đốn là nằm trên đất của ông N, có sự đồng ý của ông N nên bà X mới cho gia đình bà tre.

Bà H cho rằng trước đây giữa ông N và bà K có xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất, số tre V đốn khoảng 45 cây lớn nhỏ và phần tre V đốn thì không nằm trong phần đất trước đây tranh chấp giữa ông N và bà K. Nay bà K yêu cầu V bồi thường số tre đốn bằng 6.180.000 đồng thì bà không đồng ý bởi vì bụi tre V đốn là

nằm trên phần đất của ông N và đã được sự đồng ý của ông N và bà X thì V mới đốn.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn V N trình bày:** Trước đây ông và bà Doãn Kim K có tranh chấp quyền sử dụng đất và đã được Tòa án nhân dân tỉnh K giải quyết bằng một bản án, trong bản án thì Tòa án quyết định bà K phải tháo dỡ trái nhà bếp, thu hoạch hoa lợi đốn tre và chuối trên đất lấn chiếm để trả lại diện tích cho ông sử dụng. Sau khi có quyết định của tòa án bà K đã đốn hết tre và chuối trên phần đất phải trả lại cho ông N, ngày 15/8/2014 khi Thi hành án xuống đo đạc để cắm ranh mốc phần đất giữa ông N và bà K thì phần tre và chuối bà K phải đốn không còn nữa chỉ còn vài cây cổ thụ do trước đó bà K đã đốn hết tre và chuối. Đến đầu năm 2015 thì ông có cho cháu là Trương Quốc V đốn bụi tre để làm hàng rào, bụi tre ông cho V đốn là nằm trên phần đất của ông chứ không nằm trên phần đất trước đây giữa ông và bà K tranh chấp.

Ông N khẳng định bụi tre ông cho V đốn là nằm trên đất của ông chứ không phải của bà K nếu ông sai thì ông bồi thường cho bà K còn nếu bà K sai thì bà K phải bồi thường lại cho ông bụi tre bà K đã đốt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày:** bà là em ruột của ông N. Trước đây ông N và bà K có tranh chấp quyền sử dụng đất và đã được Tòa án nhân dân tỉnh K giải quyết bằng một bản án, trong bản án thì tòa án quyết định bà K phải tháo dỡ trái nhà bếp, thu hoạch hoa lợi đốn tre và chuối trên đất lấn chiếm để trả lại diện tích cho ông N sử dụng. Đến khoảng đầu năm 2015 thì bà có hỏi và ông N đồng ý cho V đốn bụi tre để làm hàng rào và bắc cầu, bụi tre bà và ông N cho V đốn là nằm trên phần đất của ông N chứ không nằm trên phần đất trước đây giữa ông N và bà K tranh chấp.

Bà X khẳng định bụi tre bà cho V đốn là nằm trên đất của ông N chứ không phải của bà K. Sau khi V đốn tre thì bà K có gửi đơn thưa tới Công an xã, Công an huyện và Công an huyện có xuống làm việc, chụp hình, Công an huyện có giải quyết là cho V số tre đã đốn để sử dụng.

*** Tại bản án sơ thẩm số: 56/2018/DS-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:**

Không chấp nhận yêu cầu của bà Doãn Kim K (Phải) về việc yêu cầu anh Trương Quốc V (Rí) bồi thường số tre bị đốn bằng 6.180.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá tài sản, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

*** Ngày 26/12/2018 bà Doãn Kim K có đơn kháng cáo với nội dung:** Yêu cầu anh Trương Quốc V bồi thường cho bà Doãn Kim K số tiền 6.180.000 đồng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bà Doãn Kim K giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bà Nguyễn Thị H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Trương Quốc V không đồng ý với nội dung kháng cáo của bà Doãn Kim K.

**** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị hướng giải quyết vụ án:***

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Doãn Kim K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trương Quốc V vắng mặt, nhưng có V ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Doãn Kim K yêu cầu anh Trương Quốc V bồi thường cho bà Doãn Kim K số tiền 6.180.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản án dân sự phúc thẩm số: 166/2007/DSPT ngày 18/6/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh K buộc bà K thu hoạch hoa lợi trả lại phần đất cho ông N nhưng bà K không thực hiện quyền sở hữu của mình đối với phần thu hoạch hoa lợi trên đất, đến ngày 15/8/2014 cơ quan Thi hành án dân sự huyện H đã tổ chức cắm ranh mốc và giao quyền sử dụng đất cho bà K và ông N theo quyết định của bản án trên đã có hiệu lực pháp luật. Sau đó giữa bà K và ông N cũng không có thỏa thuận nào khác về việc đốn tre, chuối, nên bà K phải có nghĩa vụ giao đất cho ông N để thi hành án, nhưng do bà K không đồng ý việc trả lại đất cho ông N vì bà còn khiếu nại cấp trên giải quyết. Ngày 29/3/2018 Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có thông báo cho bà K với nội dung Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy không có căn cứ để kháng nghị bản án dân sự phúc thẩm theo thủ tục tái thẩm (BL 75). Mặc khác, tại biên bản xác minh ngày 18/5/2018 thì ông Nguyễn V Cây và ông Võ Thành Ngộ cho biết khi bà K báo chính quyền địa phương về việc anh V đốn tre của bà, ông Cây và ông Ngộ có xuống hiện trường lập biên bản, việc bụi tre nằm trên phần đất của ai và do ai trồng thì các ông không biết, khi lập biên bản thì cũng không đếm số tre là bao nhiêu (BL 50, 51) và tại Biên bản xác minh ngày 08/11/2018 anh Dương Bá Nm cho biết nguồn gốc bụi tre tranh chấp giữa bà K và anh V là do ai trồng thì anh không biết và có nằm trong phần đất của bà K không thì anh cũng không biết (BL 90). Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện H thể hiện thì phần bụi tre bị đốn không nằm trong phần

đất mà bản án phúc thẩm trước đây đã giao cho bà K được sử dụng cũng như không có căn cứ để kết luận phần tre bị đốn nằm trong phần đất tranh chấp trước đây giữa bà K và ông N. Ngoài ra, qua kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm của cảnh sát điều tra Công an huyện H kết luận bụi tre mà anh V đốn nằm trên phần đất của ông N chứ không phải trên phần đất tranh chấp giữa bà K và ông N (BL 58). Do đó, cấp sơ thẩm xác định việc anh V đốn tre không xâm phạm đến tài sản của bà K, nên không có căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều 584 Bộ luật dân sự 2015 là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Từ những căn cứ nhận định trên, trong thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Doãn Kim K, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án dân dân huyện H, tỉnh K.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Doãn Kim K phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng do bà K là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 589 và khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Doãn Kim K.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2018/DS-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh K.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Doãn Kim K (Phải) về việc yêu cầu bị đơn anh Trương Quốc V (Rí) bồi thường thiệt hại tài sản là 103 cây tre với số tiền 6.180.000 đồng (sáu triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Doãn Kim K phải chịu 309.000 đồng, nhưng do bà K là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền án phí. Hoàn trả cho bà Doãn Kim K số tiền tạm ứng án phí là 154.500 đồng theo biên lai thu số 0000474 ngày 03/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh K.

2.2. Án phí phúc thẩm: Bà Doãn Kim K phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng do bà K là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền án phí. Hoàn trả cho bà Doãn Kim K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005307 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh K.

3. Về lệ phí:

3.1. Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà Doãn Kim K phải chịu 662.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0002947 ngày 19/3/2018 của Chi nhánh V phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh K, bà K đã nộp đủ.

3.2. Lệ phí định giá tài sản: Buộc bà Doãn Kim K phải chịu 1.430.000 theo biên bản thanh lý số 78 ngày 14/11/2018 của Công ty cổ phần bất động sản K, bà K đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh K;
- TAND huyện H;
- THA dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bình Đảo